TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lĩnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Bạch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 533/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh Q, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Tôi và anh Trần Minh Q quen biết nhau rồi kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 167 ngày 21/11/2017. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung với gia đình anh Q khoảng một năm rồi tôi về sống chung với mẹ ruột tôi. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến khi tôi có thai bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không

còn chăm sóc lẫn nhau. Anh Q đi làm nhưng không lo phụ giúp gia đình, không lo cho vợ con. Tôi nhiều lần nói với anh Q để anh Qthay đổi. Có lúc anh Q nhậu say đánh tôi gây thương tích. Anh Q không cùng tôi chăm lo cuộc sống gia đình, chúng tôi bất đồng về quan điểm, lối sống, không cùng suy nghĩ. Anh Q nhiều lần đi đâu không về tôi cũng không biết, tôi hỏi cũng không nói. Mặc dù là vợ chồng nhưng không quan tâm nhau, sống cũng giống như người ngoài, mạnh ai nấy sống, không quan tâm vợ con. Nay xác định tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Q .

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 14/7/2018, từ trước đến nay cháu Hiền do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Qcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Minh Qđã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Minh Qđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Lcó đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q , chị L .

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Lyêu cầu được ly hôn với anh Q và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị L , anh Qcó đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Minh Qcó hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L, anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 167 ngày 21/11/2017 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Ltrình bày mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Qbắt đầu phát sinh từ khi chị mang thai cháu Trần Thị Kim H. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh Q không chăm lo phụ giúp gia đình, bỏ mặc vợ con. Mặc dù là vợ chồng nhưng không quan tâm nhau, sống cũng giống như người ngoài, mạnh ai nấy sống, không quan tâm vợ con. Ngoài ra anh Q còn có hành vi bạo lực đánh chị.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lgiữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q . Anh Qmặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng anh Qthể hiện lối sống thờ ơ, thiếu sự quan tâm, không cùng chị L chăm lo cuộc sống gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ trong quan hệ giữa vợ và chồng. Từ khi chị L nộp đơn ly hôn đến nay mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh Qcũng không có ý kiến gì về vụ án. Chị L và anh Qcũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn, để tiếp tục duy trì hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ chị L, anh Qđã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Qđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Llà có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị Lvà anh Qcó một người con chung là cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 14/7/2018. Xét thấy từ khi chị L và anh Qxảy ra mâu thuẫn đến nay cháu Hdo chị L trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy để bảo đảm môi trường sống ổn định cho cháu Hcần tiếp tục giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Qcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị Lvà anh Qkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Minh Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 14/7/2018 cho chị Ltrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Qchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lchưa yêu cầu.

Anh Qcó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lđã nộp theo biên lai thu số 0016709 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị Lđã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim L, anh Trần Minh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Ngũ Hiệp, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang